

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2024-2025

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2310E
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123100201	Hoàng Việt	Anh	16/04/2002	CCQ2310F	0		0.0
2	2123100173	Phạm Trang	Anh	04/11/2005	CCQ2310E	8.7	6.8	7.6
3	2123100165	Vũ Thị Kim	Anh	29/06/2005	CCQ2310E	8.7	8.4	8.5
4	2121180021	Võ Cao	Bảo	13/08/2003	CCQ2118A	7.3	8.4	8.0
5	2121180067	Trần Quốc	Cường	02/06/2003	CCQ2118B	6	6.8	6.5
6	2121180018	Trần Quí	Đài	09/10/2003	CCQ2118A	0		0.0
7	2121180056	Cao Nhất	Danh	28/06/2003	CCQ2118B	7	8.2	7.7
8	2123100174	Thạch Thị Trúc	Đào	20/10/2005	CCQ2310E	8	8.0	8.0
9	2121180046	Nguyễn Hoàn	Diệu	10/07/2003	CCQ2118B	6.1	8.2	7.4
10	2123100188	Đỗ Thị	Doanh	12/01/2005	CCQ2310F	8.3	7.8	8.0
11	2121110047	Dương Nguyễn Anh	Dũng	22/09/2003	CCQ2124F	7.5	7.8	7.7
12	2121110243	Nguyễn Tấn	Dũng	10/11/2002	CCQ2111G	0		0.0
13	2123100169	Trần Thị Mỹ	Duyên	24/01/2005	CCQ2310E	8.1	7.6	7.8
14	2121130063	Đặng Thị Ngọc	Hân	17/07/2003	CCQ2113A	8.1	7.8	7.9
15	2123100159	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	24/04/2005	CCQ2310E	7.7	5.2	6.2
16	2121130046	Vũ Ngọc Bích	Hằng	10/11/2001	CCQ2113B	7.4	8.8	8.2
17	2123100182	Dương Thị	Hậu	13/09/2005	CCQ2310F	7.1	8.0	7.6
18	2123100216	Bùi Thị	Hiền	03/04/2005	CCQ2310F	8.3	8.0	8.1
19	2123100170	Đinh Thị	Hiền	10/11/2004	CCQ2310E	7.8	8.6	8.3
20	2121180022	Hồ Châu Ngọc	Hiếu	24/01/2003	CCQ2118A	8.4	8.4	8.4
21	2121180053	Nguyễn Huỳnh Minh	Hiếu	27/01/2003	CCQ2118B	7.4	7.6	7.5
22	2123100166	Trần Thị Kim	Hiếu	31/07/2005	CCQ2310E	7.4	8.0	7.8
23	2123100146	Đinh Thị Mỹ	Hoa	30/10/2005	CCQ2310E	7.3	8.4	8.0
24	2123100180	Nguyễn Thị Thu	Hoa	10/07/2005	CCQ2310F	4.9	5.6	5.3

25	2121130024	Não Nữ Thuyền	Hoà	16/04/2002	CCQ2113A	7.4	7.4	7.4
26	2121180030	Nguyễn Kế	Học	07/05/2003	CCQ2118A	0		0.0
27	2123100211	Tăng Hoài	Hung	17/01/2005	CCQ2310F	7.6	8.4	8.1
28	2123100191	Hàm Thị Bích	Hương	18/04/2005	CCQ2310F	8.1	6.8	7.3
29	2121100091	Nguyễn Thị	Hương	02/01/2003	CCQ2110C	6.9	7.8	7.4
30	2123100210	Ngô Thị Mỹ	Huyền	15/10/2005	CCQ2310F	7.1	8.4	7.9
31	2123100167	Trần Quang	Khải	06/05/2005	CCQ2310E	7.1	8.4	7.9
32	2123100202	Trần Đình	Kiên	08/07/1999	CCQ2310F	7.8	7.6	7.7
33	2123100207	Phạm Thanh	Kiều	04/07/2005	CCQ2310F	6.6	7.4	7.1
34	2123100151	Lê Thị Kim	Liên	14/11/2005	CCQ2310E	0		0.0
35	2121180058	Phan Nhật	Linh	27/04/2003	CCQ2118B	8.1	8.0	8.0
36	2123100157	Phan Thị Thuỳ	Linh	28/07/2005	CCQ2310E	8.4	8.0	8.2
37	2121180026	Tăng Châu Bình	Linh	29/05/2003	CCQ2118A	7.5	8.2	7.9
38	2120240178	Nguyễn Thị Kim	Loan	24/04/2002	CCQ2024LA	7.9	7.0	7.4
39	2123100189	Lê Ngọc Trà	My	02/03/2005	CCQ2310F	7.7	5.2	6.2
40	2123100205	Phạm Thị Nhật	My	01/02/2005	CCQ2310F	8	7.8	7.9
41	2121210034	Nguyễn Thị Ái	Mỹ	03/02/2003	CCQ2121A	7.9	7.4	7.6
42	2121100170	Bùi Bích	Na	10/12/2003	CCQ2110E	7.9	6.6	7.1
43	2121100159	Ngô Hồng	Ngân	14/01/2003	CCQ2110E	5.7	7.8	7.0
44	2123100204	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/10/2003	CCQ2310F	7.6	7.2	7.4
45	2123190014	Trần Thị Thu	Ngân	21/03/2005	CCQ2310E	7.9	8.4	8.2
46	2123100149	Huỳnh Thị Tuyết	Nghi	20/09/2005	CCQ2310E	6.9	5.6	6.1
47	2121120645	Trương Thị Hồng	Ngọc	03/10/2003	CCQ2112I	7.2	7.4	7.3
48	2121210004	Võ Thị Hoài	Ngọc	04/09/2003	CCQ2121A	8.4	7.4	7.8
49	2123100175	Dương Thị Hồng	Nhã	19/11/2003	CCQ2310E	8.1	8.0	8.0
50	2123100155	Lê Thị Yến	Nhi	07/08/2005	CCQ2310E	7.4	8.0	7.8
51	2123100187	Nguyễn Hoài	Nhi	13/09/2005	CCQ2310F	7.1	6.8	6.9
52	2123100150	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/11/2005	CCQ2310E	6.1	7.6	7.0
53	2123100176	Đặng Quỳnh	Như	21/06/2005	CCQ2310E	8.2	7.2	7.6
54	2123100206	Lê Thị Quỳnh	Như	03/07/2005	CCQ2310F	7.4	8.0	7.8
55	2123100153	Phan Võ Quỳnh	Như	18/05/2005	CCQ2310E	7.9	8.0	8.0
56	2123100172	Đỗ Khánh	Nhung	12/07/2002	CCQ2310E	7.7	8.4	8.1
57	2123100154	Ngô Thị Mỹ	Nhung	02/04/2005	CCQ2310E	7.5	7.4	7.4
58	2121100174	Lê Thị Kim	Oanh	03/02/2002	CCQ2110E	7.7	7.6	7.6
59	2121180057	Nguyễn Ngô Nhật	Phi	24/10/2003	CCQ2118B	6.6	8.0	7.4
60	2123100208	Nguyễn Thị Thanh	Phương	11/11/2005	CCQ2310F	8.4	6.0	7.0

61	2123100171	Đỗ Thị Như	Quỳnh	04/05/2005	CCQ2310E	6.4	8.4	7.6
62	2123100215	Mai Xuân	Quỳnh	25/07/2005	CCQ2310F	8.7	5.4	6.7
63	2121110373	Lê Văn	Sáng	13/02/2003	CCQ2111G	6.7	8.4	7.7
64	2121180037	Đặng Thanh	Sơn	06/02/2003	CCQ2118B	8.1	8.4	8.3
65	2121110119	Trần Thái	Sơn	18/10/2003	CCQ2127D	7.9	7.2	7.5
66	2123100199	Trương Thị Mỹ	Tâm	03/05/2005	CCQ2310F	8.1	6.0	6.8
67	2123100200	Hồ Thị Hồng	Thắm	10/11/2005	CCQ2310F	0		0.0
68	2123100148	Phạm Thị Hồng	Thắm	15/11/2005	CCQ2310E	7.6	8.4	8.1
69	2123100142	Võ Đình	Thắng	06/07/2005	CCQ2310E	0		0.0
70	2121180052	Đặng Văn	Thiên	11/06/2002	CCQ2118B	7.3	8.4	8.0
71	2121180068	Huỳnh	Thịnh	21/09/2003	CCQ2118B	7.1	7.8	7.5
72	2123100193	Huỳnh Thị	Thoại	01/01/2005	CCQ2310F	8.3	8.6	8.5
73	2123100160	Trương Thị Hoài	Thu	17/04/2005	CCQ2310E	7.1	5.4	6.1
74	2123100156	Hồ Minh	Thư	10/10/2005	CCQ2310E	8.1	7.6	7.8
75	2123100212	Lương Võ Minh	Thư	07/11/2005	CCQ2310F	8.4	7.6	7.9
76	2122170858	Dương Trọng	Thuần	19/02/2004	CCQ2217LC	8.1	8.0	8.0
77	2121180034	Nguyễn Quang	Thưởng	07/03/2003	CCQ2118A	0		0.0
78	2123100195	Huỳnh Thị	Thúy	24/10/2005	CCQ2310F	7.8	7.0	7.3
79	2123100297	Nguyễn Thị Minh	Thùy	08/10/2005	CCQ2310E	8	7.8	7.9
80	2121030135	Lê Bảo	Toàn	04/04/2003	CCQ2103D	7.2	7.6	7.4
81	2123100184	Nguyễn Thị Thanh	Trà	11/07/2005	CCQ2310F	6.9	8.0	7.6
82	2123100300	Văn Ngọc Mỹ	Trâm	30/08/1998	CCQ2310F	8.1	7.6	7.8
83	2123100158	Trần Thị Thùy	Trang	14/06/2004	CCQ2310E	7.3	7.2	7.2
84	2121030107	Phan Minh	Trí	02/11/2003	CCQ2103D	6.8	8.2	7.6
85	2123100198	Cao Diễm	Trinh	17/11/2002	CCQ2310F	8.4	6.2	7.1
86	2123100181	Hoàng Ngọc Thùy	Trinh	21/11/2005	CCQ2310F	7.7	8.0	7.9
87	2123100209	Nguyễn Thị Mai	Trúc	10/03/2005	CCQ2310F	8.3	7.8	8.0
88	2123100196	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	18/05/2005	CCQ2310F	8.4	7.6	7.9
89	2123100214	Đặng Thị Thanh	Vân	18/06/2005	CCQ2310F	7.9	8.6	8.3
90	2121110274	Nguyễn Trường	Vũ	07/11/2003	CCQ2111H	7.7	6.4	6.9
91	2123100161	Lê Thị Tường	Vy	29/06/2005	CCQ2310E	8.1	7.4	7.7
92	2123100179	Trần Thị Cẩm	Y	26/11/2005	CCQ2310E	7.3	5.4	6.2

Tp. Thủ Đức, ngày 28 tháng 01 năm 2024

GIẢNG VIÊN

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1- Năm Học 2024-2025

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2310E
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123100201	Hoàng Việt	Anh	16/04/2002	CCQ2310F						0.0	
2	2123100173	Phạm Trang	Anh	04/11/2005	CCQ2310E	9	9	5.5	8.7	10	8.7	
3	2123100165	Vũ Thị Kim	Anh	29/06/2005	CCQ2310E	7	8	7	9.3	10	8.7	
4	2121180021	Võ Cao	Bảo	13/08/2003	CCQ2118A	6.5	7	6.5	8.7	7	7.3	
5	2121180067	Trần Quốc	Cường	02/06/2003	CCQ2118B	7	6.5	6.5	2	9	6.0	
6	2121180018	Trần Quý	Đài	09/10/2003	CCQ2118A						0.0	
7	2121180056	Cao Nhất	Danh	28/06/2003	CCQ2118B	7	6	6.5	5.7	9	7.0	
8	2123100174	Thạch Thị Trúc	Đào	20/10/2005	CCQ2310E	9	9	5.5	8.3	8	8.0	
9	2121180046	Nguyễn Hoàn	Diệu	10/07/2003	CCQ2118B	7	4	6.5	7.7	5	6.1	
10	2123100188	Đỗ Thị	Doanh	12/01/2005	CCQ2310F	9	8.5	7.5	8.7	8	8.3	
11	2121110047	Dương Nguyễn Anh	Dũng	22/09/2003	CCQ2124F	6	5.5	6.5	7.3	10.0	7.5	
12	2121110243	Nguyễn Tấn	Dũng	10/11/2002	CCQ2111G						0.0	
13	2123100169	Trần Thị Mỹ	Duyên	24/01/2005	CCQ2310E	7	7.0	7.0	9.0	9.0	8.1	
14	2121130063	Đặng Thị Ngọc	Hân	17/07/2003	CCQ2113A	8.5	8.5	7.0	7.3	9.0	8.1	
15	2123100159	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	24/04/2005	CCQ2310E	7.5	6.0	7.0	7.7	9.0	7.7	
16	2121130046	Vũ Ngọc Bích	Hằng	10/11/2001	CCQ2113B	6.5	8.0	7.0	7.0	8.0	7.4	
17	2123100182	Dương Thị	Hậu	13/09/2005	CCQ2310F	7.5	7.0	7.5	5.0	9.0	7.1	
18	2123100216	Bùi Thị	Hiền	03/04/2005	CCQ2310F	9	8.0	7.0	9.0	8.0	8.3	
19	2123100170	Đinh Thị	Hiền	10/11/2004	CCQ2310E	6.5	7.0	7.0	8.0	9.0	7.8	
20	2121180022	Hồ Châu Ngọc	Hiếu	24/01/2003	CCQ2118A	8.5	8.0	6.5	9.0	9.0	8.4	
21	2121180053	Nguyễn Huỳnh Minh	Hiếu	27/01/2003	CCQ2118B	7	8.0	6.5	8.0	7.0	7.4	
22	2123100166	Trần Thị Kim	Hiếu	31/07/2005	CCQ2310E	7	9.0	7.0	5.3	9.0	7.4	
23	2123100146	Đinh Thị Mỹ	Hoa	30/10/2005	CCQ2310E	7	8.0	7.0	5.7	9.0	7.3	

24	2123100180	Nguyễn Thị Thu	Hoa	10/07/2005	CCQ2310F	6.5	6.5	5.5	0.0	8.0	4.9	
25	2121130024	Não Nữ Thuyền	Hoà	16/04/2002	CCQ2113A	7	8.5	7.0	5.7	9.0	7.4	
26	2121180030	Nguyễn Kế	Học	07/05/2003	CCQ2118A						0.0	
27	2123100211	Tăng Hoài	Hưng	17/01/2005	CCQ2310F	8.5	8.0	7.0	6.7	8.0	7.6	
28	2123100191	Hàm Thị Bích	Hương	18/04/2005	CCQ2310F	7	8.0	7.0	8.3	9.0	8.1	
29	2121100091	Nguyễn Thị	Hương	02/01/2003	CCQ2110C	5.5	5.5	7.0	6.0	9.0	6.9	
30	2123100210	Ngô Thị Mỹ	Huyền	15/10/2005	CCQ2310F	6.5	6.5	5.5	7.7	8.0	7.1	
31	2123100167	Trần Quang	Khải	06/05/2005	CCQ2310E	6	7	6.5	5.0	10	7.1	
32	2123100202	Trần Đình	Kiên	08/07/1999	CCQ2310F	6.5	7.5	6.5	8.0	9.0	7.8	
33	2123100207	Phạm Thanh	Kiều	04/07/2005	CCQ2310F	6.5	6.5	7.0	5.0	8.0	6.6	
34	2123100151	Lê Thị Kim	Liên	14/11/2005	CCQ2310E						0.0	
35	2121180058	Phan Nhật	Linh	27/04/2003	CCQ2118B	7	5.5	6.5	8.7	10.0	8.1	
36	2123100157	Phan Thị Thuý	Linh	28/07/2005	CCQ2310E	9	8.0	7.5	9.0	8.0	8.4	
37	2121180026	Tăng Châu Bình	Linh	29/05/2003	CCQ2118A	6	6.0	6.5	9.0	8.0	7.5	
38	2120240178	Nguyễn Thị Kim	Loan	24/04/2002	CCQ2024LA	9	9.0	7.0	6.0	9.0	7.9	
39	2123100189	Lê Ngọc Trà	My	02/03/2005	CCQ2310F	6	7.0	7.0	9.0	8.0	7.7	
40	2123100205	Phạm Thị Nhật	My	01/02/2005	CCQ2310F	7.5	7.5	7.5	8.7	8.0	8.0	
41	2121210034	Nguyễn Thị Ái	Mỹ	03/02/2003	CCQ2121A	7	9.0	7.0	7.0	9.0	7.9	
42	2121100170	Bùi Bích	Na	10/12/2003	CCQ2110E	7	6.0	7.0	8.7	9.0	7.9	
43	2121100159	Ngô Hồng	Ngân	14/01/2003	CCQ2110E	6.5	5.0	7.0	2.7	8.0	5.7	
44	2123100204	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/10/2003	CCQ2310F	5	7.0	7.0	9.0	8.0	7.6	
45	2123190014	Trần Thị Thu	Ngân	21/03/2005	CCQ2310E	7	7.0	7.0	8.0	9.0	7.9	
46	2123100149	Huỳnh Thị Tuyết	Nghi	20/09/2005	CCQ2310E	6	4.0	7.0	7.7	8.0	6.9	
47	2121120645	Trương Thị Hồng	Ngọc	03/10/2003	CCQ2112I	6.5	7.0	7.0	6.0	9.0	7.2	
48	2121210004	Võ Thị Hoài	Ngọc	04/09/2003	CCQ2121A	7	9.0	7.0	9.0	9.0	8.4	
49	2123100175	Dương Thị Hồng	Nhã	19/11/2003	CCQ2310E	7.5	7.5	7.5	9.0	8.0	8.1	
50	2123100155	Lê Thị Yến	Nhi	07/08/2005	CCQ2310E	7	9.0	5.5	6.0	9.0	7.4	
51	2123100187	Nguyễn Hoài	Nhi	13/09/2005	CCQ2310F	6.5	6.5	7.0	5.7	9.0	7.1	
52	2123100150	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/11/2005	CCQ2310E	7	7.0	7.5	2.7	8.0	6.1	
53	2123100176	Đặng Quỳnh	Như	21/06/2005	CCQ2310E	8.5	9.0	5.5	8.3	9.0	8.2	
54	2123100206	Lê Thị Quỳnh	Như	03/07/2005	CCQ2310F	7	7.0	5.5	9.3	7.0	7.4	
55	2123100153	Phan Võ Quỳnh	Như	18/05/2005	CCQ2310E	8.5	7.5	7.5	9.0	7.0	7.9	
56	2123100172	Đỗ Khánh	Nhung	12/07/2002	CCQ2310E	8.5	8.0	7.5	5.0	10.0	7.7	
57	2123100154	Ngô Thị Mỹ	Nhung	02/04/2005	CCQ2310E	8	9.0	7.5	5.0	9.0	7.5	
58	2121100174	Lê Thị Kim	Oanh	03/02/2002	CCQ2110E	7.5	8.5	7.0	6.3	9.0	7.7	
59	2121180057	Nguyễn Ngô Nhật	Phi	24/10/2003	CCQ2118B	7	5.0	6.5	8.7	5.0	6.6	

60	2123100208	Nguyễn Thị Thanh	Phương	11/11/2005	CCQ2310F	7.5	8.0	7.0	9.0	9.0	8.4	
61	2123100171	Đỗ Thị Như	Quỳnh	04/05/2005	CCQ2310E	6.5	6.5	5.5	7.3	6.0	6.4	
62	2123100215	Mai Xuân	Quỳnh	25/07/2005	CCQ2310F	9	9.0	7.0	9.0	9.0	8.7	
63	2121110373	Lê Văn	Sáng	13/02/2003	CCQ2111G	6.5	6.5	6.5	8.7	5.0	6.7	
64	2121180037	Đặng Thanh	Sơn	06/02/2003	CCQ2118B	7	7.0	6.5	10.0	8.0	8.1	
65	2121110119	Trần Thái	Sơn	18/10/2003	CCQ2127D	6.5	7.0	6.5	8.7	9.0	7.9	
66	2123100199	Trương Thị Mỹ	Tâm	03/05/2005	CCQ2310F	7	9.0	7.0	7.7	9.0	8.1	
67	2123100200	Hồ Thị Hồng	Thắm	10/11/2005	CCQ2310F						0.0	
68	2123100148	Phạm Thị Hồng	Thắm	15/11/2005	CCQ2310E	8	8.5	7.5	5.7	9.0	7.6	
69	2123100142	Võ Đình	Thắng	06/07/2005	CCQ2310E						0.0	
70	2121180052	Đặng Văn	Thiên	11/06/2002	CCQ2118B	6.5	7.0	6.5	6.7	9.0	7.3	
71	2121180068	Huỳnh	Thịnh	21/09/2003	CCQ2118B	7.5	7.0	6.5	5.3	9.0	7.1	
72	2123100193	Huỳnh Thị	Thoại	01/01/2005	CCQ2310F	8	8.0	7.0	8.7	9.0	8.3	
73	2123100160	Trương Thị Hoài	Thu	17/04/2005	CCQ2310E	6.5	7.0	7.0	5.7	9.0	7.1	
74	2123100156	Hồ Minh	Thư	10/10/2005	CCQ2310E	9	9.0	5.5	7.7	9.0	8.1	
75	2123100212	Lương Võ Minh	Thư	07/11/2005	CCQ2310F	7.5	7.0	7.5	9.3	9.0	8.4	
76	2122170858	Dương Trọng	Thuần	19/02/2004	CCQ2217LC	7	7.0	6.5	9.0	9.0	8.1	
77	2121180034	Nguyễn Quang	Thường	07/03/2003	CCQ2118A						0.0	
78	2123100195	Huỳnh Thị	Thúy	24/10/2005	CCQ2310F	6.5	7.0	5.5	8.7	9.0	7.8	
79	2123100297	Nguyễn Thị Minh	Thùy	08/10/2005	CCQ2310E	6.5	7.0	7.0	8.7	9.0	8.0	
80	2121030135	Lê Bảo	Toàn	04/04/2003	CCQ2103D	6.5	6.0	6.5	6.7	9.0	7.2	
81	2123100184	Nguyễn Thị Thanh	Trà	11/07/2005	CCQ2310F	7	6.0	5.5	8.0	7.0	6.9	
82	2123100300	Văn Ngọc Mỹ	Trâm	30/08/1998	CCQ2310F	6	7.0	7.0	9.3	9.0	8.1	
83	2123100158	Trần Thị Thùy	Trang	14/06/2004	CCQ2310E	7.5	7.0	5.5	7.7	8.0	7.3	
84	2121030107	Phan Minh	Trí	02/11/2003	CCQ2103D	6.5	6.5	6.5	5.0	9.0	6.8	
85	2123100198	Cao Diễm	Trình	17/11/2002	CCQ2310F	6	7.5	7.0	9.3	10.0	8.4	
86	2123100181	Hoàng Ngọc Thùy	Trình	21/11/2005	CCQ2310F	6	6.5	7.0	8.3	9.0	7.7	
87	2123100209	Nguyễn Thị Mai	Trúc	10/03/2005	CCQ2310F	8.5	8.0	7.0	8.3	9.0	8.3	
88	2123100196	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	18/05/2005	CCQ2310F	8.5	9.0	7.0	8.3	9.0	8.4	
89	2123100214	Đặng Thị Thanh	Vân	18/06/2005	CCQ2310F	7.0	7.5	7.5	8.7	8.0	7.9	
90	2121110274	Nguyễn Trường	Vũ	07/11/2003	CCQ2111H	5.0	6.0	6.5	9.3	9.0	7.7	
91	2123100161	Lê Thị Tường	Vy	29/06/2005	CCQ2310E	7.5	9.0	7.0	7.7	9.0	8.1	
92	2123100179	Trần Thị Cẩm	Y	26/11/2005	CCQ2310E	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.3	

Thủ Đức, ngày 28 tháng 11 năm 2024

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục

Nguyễn Trung Lục